TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 702/2019/HS- PT
Ngày: 18/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Văn
- *Các thẩm phán:* Ông Phạm Công Mười
Ông Hoàng Minh Thịnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc – Cán bộ thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 304/2019/TLPT- HS ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn dân sự (*Ngân hàng A Việt Nam) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng TMCP S*) đối với bản án hình sự sơ thẩm số 144/2019/HSST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo: **Dương Thanh C** (tên gọi khác: Mã C), sinh năm 1966 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường K, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: chung cư P, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc Hoa; Quốc tịch Việt Nam; nghề nghiệp: nguyên Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn B; trình độ văn hóa: 6/12; cha: Dương H, mẹ: Lý Tú A (cha mẹ đã chết); vợ Mã Thị Thu Sương, có 02 con lớn sinh năm 1987 và nhỏ sinh năm 1991; Hiện đang chấp hành hình phạt tù: Chung thân - có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự và người liên quan có kháng cáo:*

1/ Ngân hàng A Việt Nam (*viết tắt là: A*).

Địa chỉ: đường L, phường T, quận B1, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Trần Thị Thanh H, chức vụ: Phó Giám đốc A Chi nhánh 6
- Bà Nguyễn Thị H, chức vụ: Chuyên viên ban pháp chế

Cùng địa chỉ: đường H1, Phường 2, Quận 6, Hồ Chí Minh.

2/ Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Ngọc T, chức vụ: Chuyên viên cấp cao thuộc Văn phòng Hội đồng quản trị - S.

- Ông Nguyễn Văn Tr, chức vụ: Trưởng phòng pháp lý – S.

- Ông Hoàng Tư L, chức vụ: chuyên viên phòng pháp chế và tố tụng

- Ông Trịnh Văn T

Cùng địa chỉ: đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng S: Luật sư Trần Ngọc H và luật sư Nguyễn Thị Mai H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo nên Tòa phúc thẩm không triệu tập:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Quyết định giám đốc thẩm số 30/2017/HS - GĐT ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kết quả điều tra lại và nội dung án sơ thẩm nêu hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Công ty TNHH sản xuất xây dựng thương mại T (viết tắt là Công ty T) do Dương Thanh C lập ra và điều hành. C thuê ông Lê Văn T làm Giám đốc công ty. Ngày 08/07/2008, thay đổi Giám đốc là ông Nguyễn Hoàng M; ngày 23/10/2008, Giám đốc là ông Lê Sơn H và từ ngày 19/11/2009, Giám đốc là ông Phạm Hoàng Th.

Cuối năm 2007, Dương Thanh C có ý định thực hiện dự án đầu tư xây dựng cao ốc căn hộ và khu biệt thự vườn T tại xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/11/2007, Dương Thanh C chỉ đạo ông Lê Văn T - Giám đốc Công ty T ký hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng A Chi nhánh 6 đề nghị vay 700 tỷ đồng. Mục đích vay là thanh toán tiền đền bù giải tỏa mặt bằng và các chi phí để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cao ốc căn hộ và khu biệt thự vườn T.

Ngày 04/12/2007, Hồ Đăng Tr - Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh 6 và Lê Văn T - Giám đốc Công ty T ký Hợp đồng tín dụng số 1605 -LAV 200700423, nội dung A chi nhánh 6 cho Công ty T vay 700 tỷ đồng để thanh toán đền bù giải tỏa mặt bằng và chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cao ốc căn hộ và khu biệt thự vườn T. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp số 1605-LCP-200700379 ngày 04/12/2007 (gồm quyền sử dụng đất có tổng diện tích khoảng 10,5 ha đất nông nghiệp theo 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh của các hộ dân (không có công chứng, không đăng ký giao dịch đảm bảo) và 01 hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 có công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, từ ngày 04/12/2007 đến ngày 19/9/2018 Ngân hàng A Chi nhánh 6 đã 16 lần giải ngân cho Công ty T của Dương Thanh C số tiền tổng cộng 628 tỷ đồng. Dương Thanh C đã sử dụng số tiền được giải ngân như sau: thanh toán các khoản vay Ngân hàng liên quan đến Công ty T 173,01 tỷ đồng; trả tiền mua đất của bà Trần Hoa M (5,1 ha) và các hộ dân (5,4 ha thông qua bà M) tổng cộng là 171,2 tỷ đồng; sử dụng cá nhân 108,99 tỷ đồng; rút về nhập quỹ là 174,8 tỷ đồng.

Việc mua, bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Dương Thanh C với bà Trần Hoa M và các hộ dân tại xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Khoảng tháng 10/2007, C nhận chuyển nhượng của bà Trần Hoa M và giao khoán cho bà M mua gom đất nông nghiệp của các hộ dân xung quanh tại xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích tổng cộng là 105.181,9 m^2 (được ghi nhận trên 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà C đem thế chấp vay tiền tại Ngân hàng A Chi nhánh 6) với giá là 171,2 tỷ đồng. Bà M sử dụng số tiền 85,2 tỷ đồng (trong tổng số tiền nêu trên) để thanh toán cho các hộ dân, gồm: Nguyễn Trung Th, Trần Văn B, Trần Văn H, Đoàn Văn Nh, Đỗ Minh Th, Đặng Văn L, Nguyễn Văn Ch, Lương Thái H, Nguyễn Văn B, Phan Thị Q, Vũ Văn Th.

Ngày 03/4/2008 Ban quản lý Khu Nam Thành phố đã có Công văn số 335/BQLKN-KHĐT trả lời "không thể chấp thuận địa điểm đầu tư xây dựng dự án của Công ty T", Dương Thanh C biết dự án của mình không thực hiện được. Vì vậy, ngày 10/04/2008 Dương Thanh C đã ký Văn bản số 19/CV/TP/2008 gửi A chi nhánh 6 với nội dung: xin mượn 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp để trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh duyệt Dự án đầu tư và được A chi nhánh 6 đồng ý giao trả 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 12/4/2008 Dương Thanh C đem 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp tại Ngân hàng P để vay tiền nhiều lần và tính đến ngày 06/01/2009, còn nợ của Ngân hàng P số tiền 79,8 tỷ đồng và 9.000 lượng vàng SJC, do không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng P nên C đã gán tài sản này cho Ngân hàng P để trả nợ và ký hợp đồng ủy quyền cho Ngân hàng P tại Phòng Công chứng số 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng P khi nhận thế chấp 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, có gửi công văn đến ủy ban nhân dân xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc thế chấp tài sản và đã được ủy ban nhân dân xã P1 xác nhận phong tỏa. Tuy nhiên cũng không đăng ký giao dịch bảo đảm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 329/2015/HS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định về phần dân sự đối với Dương Thanh C liên quan đến 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: "...

Áp dụng Điều 41, 42 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- …

- Hủy bỏ các quyết định kê biên và trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần S) bản chính 23 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh, chi tiết: ...

+ Thửa số 64, TB đồ 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số W532684 ngày 25/03/2003 và Hợp dồng chuyển nhượng QSDĐ số 8206/HĐ- CN ngày 17/6/2008.

+ Thửa số 85, 143, 144, TB đồ số 01 xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707660 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8121/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

+ Thửa số 85, 141, 142, TB đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số X218323 ngày 27/06/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8122/HĐ CN ngày 14/06/2008.

+ Thửa đất số 75, TB số 01 xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707675 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6053/HĐ- CN ngày 27/12/2007.

+ Thửa số 1595, 1594 TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số Đ783568 ngày 30/06/2004 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 052/HĐ- CN ngày 27/12/2007.

+ Thửa số 1109, 1110, 1111, 1112, 1155, TBĐ số 04, 05, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707126 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng thỏa thuận bồi thường thiệt hại đất ngày 10/3/2008.

+ Thửa số 158, 82&81 thuộc TBĐ số 1, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707665 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8002/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+ Thửa số 77, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số U384615 ngày 28/12/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5918 ngày 25/12/2007.

+ Thửa số 100&99, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266343 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8000/HĐ-CN ngày 11/06/2008

+T hửa đất số 70, 71&72, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số P283581 ngày 25/05/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 7999/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+ Thửa số 78, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số T274070 ngày 06/09/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5910/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+ Thửa số 1579, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số X229183 ngày 12/08/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8123/HĐ- CN ngày 14/06/2008.

+ Thửa số 91, 151&90, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số

A707662 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8124/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

+ Thửa số 74, 65, 66, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707145 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8001/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+ Thửa số 1608, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số AC602073 ngày 17/11/2005 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5912/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+ Thửa số 1607, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số AC602072 ngày 17/11/2005 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5913/HĐ ngày 25/12/2007.

+ Thửa số 84, 109, 110, 111, 112, 118, 117, TB đồ số 01: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266341 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5919/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 75, 76, 67, 68, 64, 69, TB đồ số 01: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707676 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5914/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+Thửa số 1593, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSĐĐ số Đ783567 ngày 30/6/2004 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6246/HĐ-CN ngày 28/12/2007.

+Thửa số 1558, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số V3 57704 ngày 20/06/2002 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6247/HĐ- CN ngày 28/12/2007.

+ Thửa số 89, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707067 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng thỏa thuận bồi thường thiệt hại đất ngày 29/01/2008, Giấy chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 10/01/2002.

+ Thửa số 113, 114, 115, 116, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266356 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 0029/HĐ-CN ngày 02/01/2008.

+ Thửa số 86, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số U378094 ngày 27/11/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6180/HĐ- CN ngày 28/12/2007.

Tại bản án hình sự Phúc thẩm số 186/2016/HS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với Dương Thanh C về nội dung nêu trên của bàn án sơ thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 30/2017/HS-GĐT ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã Quyết định:

“ Hủy Bản án hình sự phúc thẩm 186/2016/HS-PT ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự sơ thẩm

số 329/2015/HS-ST ngày 05/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật về phần:

- Quyết định " Hủy bỏ các quyết định kê biên và trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần S) bản chính 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh

Điều tra làm rõ quyền sử dụng đất số 10 Đường A phường Tân Thành, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh và quyền sử dụng đất 38 ha thuộc khu công nghiệp Đ1 III - Liệt tại xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đ1, tỉnh Long An có phải của Dương Thanh C hay không, làm cơ sở thu hồi tài sản do phạm tội mà có và kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 144/2019/HSST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định.

Tiếp tục cho kê biên 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tổng diện tích 105.181,9 m^2 đất tại xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh (do Dương Thanh C thế chấp tại Ngân hàng P) để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng A Việt Nam (A) đối với nghĩa vụ của Dương Thanh C về số tiền 171.200.000.000 (một trăm bảy mươi mốt tỷ hai trăm triệu) đồng trong tổng số tiền Dương Thanh C có nghĩa vụ bồi thường cho Ngân hàng A Việt Nam (A) theo Quyết định tại bản án hình sự sơ thẩm số 329/2015/HS-ST ngày 05/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự phúc thẩm số 186/2016/HS-ST ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản chính 23 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chi tiết gồm:

+ Thửa số 64, TB đồ 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số W532684 ngày 25/03/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng QSQĐ số 8206/HĐ- CN ngày 17/6/2008.

+ Thửa số 85, 143, 144, TB đồ số 01 xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707660 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8121/HĐ CN ngày 14/06/2008.

+ Thửa số 85, 141, 142, TB đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số X218323 ngày 27/06/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8122/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

+ Thửa đất số 75, TB số 01 xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707675 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6053/HĐ- CN ngày 27/12/2007.

+ Thửa số 1595, 1594 TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số Đ783568 ngày 30/06/2004 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6052/HĐ-CN ngày 27/12/2007.

+ Thửa số 1109, 1110, 1111, 1112, 1155, TBĐ số 04, 05, xã P1: Giấy

chứng nhận QSDĐ số A707126 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng thỏa thuận bồi thường thiệt hại đất ngày 10/3/2008.

+ Thửa số 158, 82&81 thuộc TBĐ số 1, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707665 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8002/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+ Thửa số 77, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số U384615 ngày 28/12/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5918 ngày 25/12/2007.

+ Thửa số 100&99, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266343 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8000/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+ Thửa đất số 70, 71&72, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số P283581 ngày 25/05/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 7999/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+ Thửa số 78, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số T274070 ngày 06/09/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5910/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+ Thửa số 1579, TBĐ số oi, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số X229183 ngày 12/08/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8123/HĐ- CN ngày 14/06/2008

+ Thửa số 91, 151&90, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707662 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8124/HĐ CN ngày 14/06/2008.

+Thửa số 74, 65, 66, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707145 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 8001/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

+ Thửa số 1608, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số AC602073 ngày 17/11/2005 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5912/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+ Thửa số 1607, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số AC602072 ngày 17/11/2005 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5913/HĐ ngày 25/12/2007.

+ Thửa số 84, 109, 110, 111, 112, 118, 117, TB đồ sổ 01: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266341 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5919/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+ Thửa số 75, 76, 67, 68, 64, 69, TB đồ số 01: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707676 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 5914/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

+ Thửa số 1593, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số Đ783567 ngày 30/6/2004 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6246/HĐ-CN ngày 28/12/2007.

+ Thửa số 1558, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số V357704 ngày 20/06/2002 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6247/HĐ- CN ngày 28/12/2007.

+ Thửa số 89, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số A707067 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng thỏa thuận bồi thường thiệt hại đất ngày 29/01/2008, Giấy chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 10/01/2002.

+ Thửa số 113, 114, 115, 116, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số C266356 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 0029/HĐ-CN ngày 02/01/2008.

+ Thửa số 86, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận QSDĐ số U378094 ngày 27/11/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 6180/HĐ- CN ngày 28/12/2007.

- Án sơ thẩm còn tuyên thời hạn kháng cáo theo luật định.

- Ngày 16/5/2019 Ngân hàng A Việt Nam kháng cáo toàn bộ nội dung án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm kê biên 24 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại B2, tài sản tại số 10 Đường A và 38 ha đất tại khu công nghiệp Đ để đảm bảo nghĩa vụ của Dương Thanh C trả cho Ngân hàng số tiền 1.127.157.070.138 đồng.

- Ngày 14/5/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần S kháng cáo toàn bộ nội dung án sơ thẩm, tại phiên tòa yêu cầu Tòa phúc thẩm xác định chỉ có 77 tỷ đồng là tiền bị cáo C vay của A trả cho bà M chứ không phải 171,2 tỷ đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của Ngân hàng A Việt Nam (*nguyên đơn dân sự*) và đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần S (*người liên quan*) giữa nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Dương Thanh C dùng 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho A để bảo lãnh cho Công ty T (*do C lập ra*) để vay 628 tỷ, C đã sử dụng 171,2 tỷ để chuyển nhượng 105.181,9m^2. Sau khi vay được tiền ở A, C mượn lại 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đem thế chấp cho Ngân hàng P.

Việc thế chấp 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho A Chi nhánh 6 và cho Ngân hàng P đều không thực hiện đúng quy định của pháp luật về thế chấp tài sản trong hoạt động tín dụng Ngân hàng.

Việc Ngân hàng A Chi nhánh 6 yêu cầu 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải đảm bảo thanh toán cho 628 tỷ cũng như đề nghị kê biên quyền sử dụng đất số 10 Đường A, quận T1 và 38 ha đất tại khu Công nghiệp Đ1 III, huyện Đ1, Long An để đảm bảo thanh toán cho khoản nợ 1.125.157.070.138 đồng mà Dương Thanh C có nghĩa vụ trả cho A Chi nhánh 6 là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng S về việc hủy quyết định kê biên 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không có căn cứ chấp nhận, bản án giám đốc thẩm xác định là vật chứng nên cần phải tiếp tục kê biên để đảm bảo thi hành án.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng A Việt Nam và Ngân hàng S, giữ y án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng S nêu: Ngân hàng S hiện đang giữ 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng ủy quyền của Công ty T với vai trò là bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xử lý nợ vay, giao dịch này chưa bị Tòa án tuyên hủy hay vô hiệu. Bản thân A Chi nhánh 6 khi phát hiện tài sản thế chấp bị chuyển dịch đem thế chấp ngân hàng khác cũng không có biện pháp ngăn chặn, không tố cáo hành vi phạm tội của Dương Thanh C, khi C bị khởi tố lại đồng ý để C đưa các tài sản khác thế chấp bổ sung thay thế, Ngân hàng A Chi nhánh 6 có lỗi trong việc này, nội dung này chính bản án hình sự phúc thẩm số 186 đã nhận định.

Có căn cứ cho rằng Dương Thanh C chỉ sử dụng 77 tỷ trong số tiền 628 tỷ vay của Ngân hàng để thanh toán cho 23 giấy đỏ. Việc Tòa sơ thẩm xác định 171,2 tỷ C dùng vào việc thanh toán cho 23 giấy đỏ đây là lời khai của C, lời khai của bà M, chứng từ sổ sách không thể hiện số tiền này. Việc xác định 77 tỷ dùng vào việc mua đất đây là kết luận ngày 09/01/2014 của Ngân hàng nhà nước chứ không phải chúng tôi tự nêu ra.

Với các chứng cứ chúng tôi đã chứng minh, trừ 77 tỷ đồng là vật chứng có trong giá trị 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì phần giá trị còn lại của 23 giấy đỏ nó được sử dụng từ nguồn tiền hợp pháp của Ngân hàng P thông qua giao dịch ủy quyền hợp pháp như đã phân tích ở trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Ngân hàng S giá trị còn lại của 23 giấy đỏ để ngân hàng tiếp tục thực hiện thu nợ của mình.

- Tự bảo vệ cho mình đại diện A Chi nhánh 6 trình bày: 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp hình thành trong tương lai. A Chi nhánh 6 giải ngân thanh toán tiền mua đất theo yêu cầu của Dương Thanh C. C sử dụng số tiền vay 628 tỷ ngoài thanh toán tiền mua 23 giấy đỏ, còn thanh toán cho Tổng công ty dệt may theo hợp đồng liên doanh giữa Dương Thanh C và Lê T, do đó quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 10 Đường A được chuyển đổi mục đích sử dụng có nguồn tiền của A Chi nhánh 6, nên nó cần phải được kê biên để đảm bảo thi hành án. Diện tích 38 ha đất ở khu Công nghiệp Đ

cũng có nguồn tiền mà C lừa đảo A Chi nhánh 6 nên cũng cần được kê biên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng A Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự, bị cáo C và quan điểm của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn dân sự Ngân hàng A Việt Nam và người liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần S kháng cáo phần dân sự. Đối với bị cáo Dương Thanh C không có kháng cáo, Việc tòa phúc thẩm triệu tập bị án Dương Thanh C là để làm rõ yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng A và Ngân hàng S. Do không xem xét phần hình sự nên cấp phúc thẩm không chỉ định luật sư bảo vệ cho bị án Dương Thanh C.

[2] Về nội dung: Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, cụ thể là lời khai của Dương Thanh C, lời khai của những hộ dân chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty T, lời khai của bà Trần Hoa M cho thấy: Nguồn gốc hình thành 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh là C xử dụng 171,2 tỷ đồng trong tổng số 628 tỷ đồng vay của A Chi nhánh 6 để nhận chuyển nhượng 105.181,9m^2 đất ghi trong 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay cho A Chi nhánh 6 để vay tiền. Ngày 10/4/2008 Dương Thanh C ký Công văn số 19/CV/TP gửi A Chi nhánh 6 với nội dung: "*Xin mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ dự án đầu tư tại xã P1, huyện B2 để hoàn thiện thủ tục pháp lý về quyền sử dụng đất*" A Chi nhánh 6 đã giao 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho C và ngay sau đó ngày 12/4/2008 Dương Thanh C đem toàn bộ 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này sang Ngân hàng P để thế chấp. Trong quá trình thế chấp 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng P, do không có khả năng thanh toán nên ngày 06/01/2010 C ký hợp đồng ủy quyền tại Phòng công chứng số 7 Thành phố Hồ Chí Minh gán nợ 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng P đối với các khoản nợ đã vay.

[2.1] Xét thấy việc Dương Thanh C dùng 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh thế chấp cho A Chi nhánh 6 để vay tiền theo hợp đồng tín dụng số 1605- LAV 200700423 ngày 04/12/2007 và thế chấp cho Ngân hàng P vào ngày 12 tháng 4 năm 2008 đều không thực hiện đúng quy định của pháp luật về thế chấp tài sản tài sản trong hoạt động tín dụng ngân hàng.

- Đối với Ngân hàng A Chi nhánh 6: Khi nhận 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đưa vào thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Công ty T ngày 04/12/2007 thì tài sản trên Công ty T chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất và Công ty T cũng không có tài liệu chứng minh công ty đã chuyển nhượng diện tích đất trên của các hộ dân đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không qua công chứng, chứng thực, không đăng ký giao dịch bảo đảm,

không có chứng cứ về việc bảo lãnh thế chấp của bên thứ ba (*các hộ dân có quyền sử dụng đất*). Do việc thế chấp tài sản không đúng quy định pháp luật nên nó không có giá trị đảm bảo cho khoản vay của Công ty T tại A Chi nhánh 6 theo hợp đồng tín dụng số 1605-LAV 200700423 ngày 04/12/2007.

- Đối với Ngân hàng P: Khi nhận 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy không biết 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này C đã thế chấp tại Ngân hàng A Chi nhánh 6. Tuy nhiên cũng như A Chi nhánh 6, khi nhận thế chấp 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ngân hàng P cũng không tuân thủ đúng quy định pháp luật, người đứng ra thế chấp bảo lãnh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có công chứng, chứng thực, chưa đăng ký giao dịch bảo đảm, nên cũng không có giá trị đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng của Công ty T tại Ngân hàng P. Thực tế Sở giao dịch Ngân hàng P có công văn gửi Ủy ban nhân dân xã P1, huyện B2 thông báo về việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp và đề nghị Ủy ban nhân dân xã P1 xác nhận phong tỏa tài sản thế chấp, việc làm của Ngân hàng P mang tính chất thông báo để Ủy ban nhân dân xã biết và không có chứng thực việc chuyển nhượng các giấy đỏ trên nếu có ai yêu cầu, công văn trên không có nghĩa là hợp đồng thế chấp trên hợp pháp.

[2.2] Như đã phân tích ở trên có đủ căn cứ kết luận quyền sử dụng 105.181,9m^2 đất nông nghiệp (*được ghi nhận trên 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân*) tại xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Dương Thanh C đem thế chấp để vay tiền của A Chi nhánh 6 và Ngân hàng P là không hợp pháp nên nó không có giá trị đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng của các ngân hàng. Do đó 105.181,9m^2 đất nông nghiệp nêu trên được xác định là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của Dương Thanh C và dùng để khắc phục hậu quả đối với số tiền 171,2 tỷ đồng mà C đã xử dụng trong số tiền A Chi nhánh 6 dùng để mua đất và số tiền C vay tại Ngân hàng P.

[2.3] Từ những nhận định trên, xét thấy cần tiếp tục kê biên 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cơ quan điều tra đã có quyết định kê biên do Dương Thanh C thế chấp tại Ngân hàng P để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng A Chi nhánh 6 đối với phần nghĩa vụ của Dương Thanh C về số tiền 171,2 tỷ đồng trong tổng số tiền C có nghĩa vụ bồi thường cho A Chi nhánh 6 theo quyết định tại bản án hình sự sơ thẩm số 329/2015/HS-ST ngày 05/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự Phúc thẩm số 186/2016/HS-ST ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Liên quan đến 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Dương Thanh C thế chấp để vay tiền ở Ngân hàng P. Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định khởi tố bị can. Theo kết luận điều tra số 74/C03 – P12 ngày 10/9/2019 của Bộ công an đề nghị truy tố Dương Thanh C phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"; Các bị can

Trầm B, Phan Huy Kh, Phạm Trường Q, Trần Quang Tr, Ngô Văn H, Trịnh Bích Ng, Nguyễn Văn Ph, Phan Thị Hồng V phạm tội "*Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng*".

Cũng theo kết luận điều tra, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá tài sản của 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào thời điểm tháng 4/2017 là: 582.474.237.000 đồng, so với số tiền 171,2 tỷ đồng mà Dương Thanh C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A Chi nhánh 6, thì cần phải tiếp tục kê biên giá trị còn lại (*sau khi trừ đi 171,2 tỷ đồng*) để đảm bảo khắc phục hậu quả, trách nhiệm bồi thường của Dương Thanh C trong vụ án mà cơ quan điều tra Bộ công an đã có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Dương Thanh C và những cá nhân ở Ngân hàng P có liên quan trong vụ việc cho vay và nhận thế chấp 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Dương Thanh C.

[4] Đối với thửa đất tại số 10 Đường A, phường T2, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là của Công ty Dệt K (*100% vốn nhà nước*) do Lê T làm giám đốc trong đó có liên quan đến hành vi của Dương Thanh C sử dụng khoản vay 170 tỷ đồng của A Chi nhánh 6 để thực hiện hợp đồng số 01/2007/HĐGV về việc góp vốn đầu tư và chia căn hộ tại số 10 Đường A với Công ty Dệt K gây thiệt hại cho A Chi nhánh 6. Vấn đề này cơ quan chức năng đã có quyết định truy tố Lê T về tội "*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*", do đó thửa đất số 10 Đường A xử lý như thế nào sẽ được giải quyết trong vụ án Lê T.

[5] Đối với quyền sử dụng đất 38 ha đất tại khu công nghiệp Đ1 III, huyện Đ1, Long An mặc dù có hợp đồng chuyển nhượng 38 ha đất giữa Công ty L và Công ty T, biên bản họp hội đồng thành viên Công ty L về việc thống nhất bàn giao 38 ha đất cho A Chi nhánh 6, tuy nhiên tài liệu điều tra cho thấy Dương Thanh C dự định mua 38 ha đất để thế chấp cho A Chi nhánh 6 (*thay thế cho 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mượn*) nhưng trên thực tế Dương Thanh C không thanh toán tiền mua đất nên Công ty L không thực hiện cam kết chuyển giao 38 ha đất nêu trên cho A Chi nhánh 6, do đó không có cơ sở để kê biên diện tích đất này để thi hành án cho Dương Thanh C.

Từ phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng A Việt Nam.

[6] Đối với yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần S: Trước hết khẳng định 23 giấy đỏ mà Ngân hàng S đang giữ có liên quan đến hành vi lừa đảo của Dương Thanh C đối với A Chi nhánh 6 như đã phân tích ở trên, Dương Thanh C sử dụng số tiền 171,2 tỷ trong tổng số tiền 628 tỷ vay của A Chi nhánh 6 để thanh toán cho việc mua 23 giấy đỏ. Do đó 23 giấy đỏ là vật chứng vụ án nên cần tiếp tục kê biên để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa hôm nay bảo vệ cho S luật sư cho rằng việc Dương Thanh C cầm cố thế chấp 23 giấy đỏ cho Ngân hàng P là hợp pháp, chưa có cơ quan có thẩm quyền nào hủy bỏ. Vấn đề này hiện tại cơ quan điều tra Bộ công an đã có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với cán bộ Ngân hàng P trong việc cho vay có liên quan đến 23 giấy đỏ mà Dương Thanh C thế chấp cho Ngân hàng P. Do đó việc xử lý 23 giấy đỏ này như thế nào sẽ được xử lý trong vụ án ở Ngân hàng P khi Tòa xét xử, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của

Ngân hàng S là yêu cầu hủy bỏ quyết định kê biên 23 giấy đỏ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng A Việt Nam, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Giữ y án sơ thẩm số 144/2019/HSST ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên xử:

1/. Tiếp tục kê biên 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có tổng diện tích 105.181,9 m^2 đất tại xã P1, huyện B2, Thành phố Hồ Chí Minh (do Dương Thanh C thế chấp tại Ngân hàng P) để đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng A Việt Nam (A) đối với nghĩa vụ của Dương Thanh C về số tiền 171.200.000.000 (một trăm bảy mươi mốt tỷ hai trăm triệu) đồng trong tổng số tiền Dương Thanh C có nghĩa vụ bồi thường cho Ngân hàng A Việt Nam (A) theo Quyết định tại bản án hình sự sơ thẩm số 329/2015/HS-ST ngày 05/11/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự phúc thẩm số 186/2016/HS-ST ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản chính 23 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chi tiết gồm:

- Thửa số 64, tờ bản đồ 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W532684 ngày 25/03/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 8206/HĐ- CN ngày 17/6/2008.

- Thửa số 85, 143, 144, tờ bản đồ số 01 xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A707660 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 8121/HĐ CN ngày 14/06/2008.

- Thửa số 85, 141, 142, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X218323 ngày 27/06/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 8122/HĐ-CN ngày 14/06/2008.

- Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 01 xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A707675 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 6053/HĐ- CN ngày 27/12/2007.

- Thửa số 1595, 1594 tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ783568 ngày 30/06/2004 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 6052/HĐ- CN ngày 27/12/2007.

- Thửa số 1109, 1110, 1111, 1112, 1155, tờ bản đồ số 04, 05, xã P1: Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số A707126 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng thỏa thuận bồi thường thiệt hại đất ngày 10/3/2008.

- Thửa số 158, 82&81 thuộc tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A707665 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 8002/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

- Thửa số 77, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U384615 ngày 28/12/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 5918 ngày 25/12/2007.

- Thửa số 100&99, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C266343 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 8000/HĐ- CN ngày 11/06/2008.

- Thửa đất số 70, 71&72, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P283581 ngày 25/05/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 7999/HĐ-CN ngày 11/06/2008.

- Thửa số 78, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T274070 ngày 06/09/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 5910/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

- Thửa số 1579, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X229183 ngày 12/08/2003 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 8123/HĐ- CN ngày 14/06/2008

- Thửa số 91, 151&90, TBĐ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A707662 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 8124/HĐ CN ngày 14/06/2008.

- Thửa số 74, 65, 66, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A707145 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 8001/HĐ- CN ngày 11/06/2008.

- Thửa số 1608, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC602073 ngày 17/11/2005 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 5912/HĐ- CN ngày 25/12/2007.

- Thửa số 1607, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC602072 ngày 17/11/2005 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 5913/HĐ ngày 25/12/2007.

- Thửa số 84, 109, 110, 111, 112, 118, 117, tờ bản đồ số 01: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C266341 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 5919/HĐ-CN ngày 25/12/2007.

- Thửa số 75, 76, 67, 68, 64, 69, tờ bản đồ số 01: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A707676 ngày 28/12/1994 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 5914/HĐ- CN ngày 25/12/2007.

- Thửa số 1593, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ783567 ngày 30/6/2004 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng

đất số 6246/HĐ-CN ngày 28/12/2007.

- Thửa số 1558, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V357704 ngày 20/06/2002 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 6247/HĐ- CN ngày 28/12/2007.

- Thửa số 89, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A707067 ngày 25/01/1992 và Hợp đồng thỏa thuận bồi thường thiệt hại đất ngày 29/01/2008, Giấy chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 10/01/2002.

- Thửa số 113, 114, 115, 116, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C266356 ngày 09/12/1995 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 0029/HĐ-CN ngày 02/01/2008.

- Thửa số 86, tờ bản đồ số 01, xã P1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U378094 ngày 27/11/2001 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 6180/HĐ- CN ngày 28/12/2007.

2/. Kiến nghị Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục duy trì quyết định kê biên phần giá trị còn lại (*sau khi trừ đi 171,2 tỷ đồng*) để đảm bảo cho việc khắc phục hậu quả, bồi thường của Dương Thanh C đối với Ngân hàng S trong vụ án mà Cơ quan điều tra Bộ công an đã có quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các bị can ở Ngân hàng P có liên quan đến việc thế chấp 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu.

Lê Thành Văn